

Bản án số: 24/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 4 - 2023

V/v: *Chia thừa kế*

theo pháp luật và tặng cho tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang;**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Diệu;**

Ông Hàng Lâm Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLPT-DS ngày 06/02/2023 về việc: “*Chia thừa kế theo pháp luật và tặng cho tài sản*”.

Do bản án dân sự số 44/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT ngày 10/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 24/3/2023; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tuấn Q**, sinh năm 1968 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tuấn N**, sinh năm 1958 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số H đường K, khu phố N, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1935 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H đường K, khu phố N, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ H1**, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường T, khu phố H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Như L**, sinh năm: 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số I đường K, khu phố N, phường P, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm: 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số T đường N, khu phố C, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm: 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.6. Bà **Nguyễn Thị Mỹ H2**, sinh năm: 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Số H đường K, khu phố N, phường P, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3.7. Bà **Nguyễn Thị Đoan T**, sinh năm: 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường T, khu phố H, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.8. Bà **Nguyễn Thị Mỹ H3**, sinh năm: 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hiệp: Bà **Nguyễn Thị Như L**, sinh năm 1964 (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2022) (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Nguyễn Tuấn N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05-01-2022, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q trình bày:

Nguồn gốc đất thuộc thửa số 24 (nay là các thửa 304, 305, 306), tờ bản đồ địa chính số 24 phường P có diện tích 391,3m² là của ông bà nội ông để lại cho cha mẹ ông là Nguyễn Tuấn C (chết năm 1996 không để lại di chúc) và Trần Thị

C. Diện tích đất này chưa được Nhà nước cấp sổ đỏ, trên bản đồ địa chính thì ông Nguyễn Tuấn C đứng tên chủ sử dụng, sau khi cha ông chết thì mẹ ông bà Trần Thị C đứng tên chủ sử dụng.

Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 66,42m² do cha mẹ ông xây. Cha mẹ ông có 09 người con: Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1958; Nguyễn Thị Đoan T, sinh năm 1961; Nguyễn Thị Như L, sinh năm: 1964; Nguyễn Tuấn Q, sinh năm 1968; Nguyễn Kim P, sinh năm: 1970; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1972; Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm: 1974; Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm: 1979. Ngoài ra không có con riêng và con nuôi.

Năm 2002 mẹ ông và các con có thỏa thuận cho: con trai Nguyễn Tuấn N 69,5m² (thuộc thửa đất số 306) và năm 2006 cho con gái Nguyễn Thị Như L 59,9m² (thửa đất số 304). Ông N và bà L đã xây nhà trên đất. Phần còn lại có diện tích 261,9m² đất gắn liền với căn nhà cấp 4 diện tích 66,42m² là của cha mẹ ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cha ông Nguyễn Tuấn C để lại cho các đồng thừa kế, đối với các phần đất gia đình đã cho ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Như L thì ông đồng ý tặng cho ông N bà L theo như thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Ông xin nhận nhà và hoàn tiền lại cho anh trai Nguyễn Tuấn N. Ông đồng ý nhận kỷ phần thừa kế các chị, em tặng cho ông và em gái Nguyễn Thị Mỹ H2. Ông đồng ý đứng tên chung với em gái Nguyễn Thị Mỹ H2. Ông đồng ý chăm lo cho mẹ và nhang khói cho ông bà tổ tiên.

Đối với 02 mái che tôn khung sắt, trụ sắt do anh trai Nguyễn Tuấn N bỏ tiền ra làm có diện tích 41,4m² và 09m² thì yêu cầu ông N dỡ mái che trả lại hiện trạng như cũ, nếu ông N không tháo dỡ thì ông xin hoàn tiền theo biên bản định giá.

Ông thống nhất nội dung biên bản định giá về giá nhà, đất và giá tài sản trên đất, thống nhất diện tích đất đo đạc.

Về án phí ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí định giá tài sản ông đồng ý chịu toàn bộ.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn N trình bày:

Về nguồn gốc đất và anh chị em trong gia đình ông đồng ý với lời trình bày của ông Quốc. Quá trình chung sống mẹ và các anh chị em trong gia đình họp bàn giao cho ông 69,5m² đất (thửa đất số 306) và ông đã xây nhà trên đất ở cho đến nay, giao cho em gái Nguyễn Thị Như L 59,9m² đất (thửa đất số 304) và em L đã xây nhà trên đất. Phần diện tích đất còn lại là 261,9m² có căn nhà từ đường diện tích khoảng 66,42m² các anh chị em trong gia đình có yêu cầu chia theo pháp luật thì ông vẫn đồng ý. Nguyện vọng của ông là để lại làm nhà từ đường, nếu chia

ông xin nhận bằng hiện vật là đất và xin nhận phần đất phía sau nối liền nhà ông đang ở để làm bếp nấu ăn, xin nhận phần đất phía trước nhà có cây sung và cây dừa để có không gian mát mẻ nghỉ ngơi. Phần nhà ông cũng xin nhận hiện vật. Đối với phần đất các anh chị em thống nhất cho ông và em gái L xây nhà ở thì ông không yêu cầu chia, ông đồng ý nhận phần đất mẹ và các anh chị em trong gia đình tặng cho ông. Đối với 02 mái che tôn khung sắt ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng như cũ và xin hoàn tiền lại theo biên bản định giá.

Ông thống nhất với toàn bộ nội dung biên bản định giá và diện tích đất đo đạc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C tại biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2022 biên bản hòa giải trình bày:

Nguồn gốc đất trước đây của ông ngoại chồng để lại cho mẹ chồng bà, mẹ chồng bà cho vợ chồng bà. Căn nhà cấp 4 trên đất hai vợ chồng bà bỏ tiền ra xây, vợ chồng bà không có lập di chúc, không có ý nguyện để nhà đất này làm nhà từ đường. Vợ chồng bà có 09 người con như ông Q trình bày, không có con riêng, con nuôi nào khác. Trước đây bà và các con trong gia đình có thỏa thuận do con Nguyễn Tuấn N 69,5m², cho con Nguyễn Thị Như L 59,9m². Sau khi được cho đất thì N và L đã xây nhà trên đất ở ổn định nên bà không yêu cầu chia thừa kế, hiện nay bà vẫn đồng ý tặng cho hai con phần đất này và đề nghị Tòa án ghi nhận. Đối với phần đất còn lại diện tích 261,9m² gắn liền với căn nhà diện tích 66,42m² bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần chồng bà ông Nguyễn Tuấn C chết để lại. Diện tích đất này chưa được nhà nước cấp sổ đỏ, trên bản đồ địa chính thì ông Nguyễn Tuấn C đứng tên chủ sử dụng, ông C chết thì bà là người đứng tên chủ sử dụng đất, chồng bà chết không để lại di chúc.

Bà đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Tuấn Q đối với phần tài sản ông Nguyễn Tuấn Châu chết để lại. Phần còn lại diện tích 261,9m² đất thì bà có một nửa là 130,95m² và một nửa căn nhà có diện tích 33,21m², bà đồng ý tặng cho con trai Nguyễn Tuấn Q và con gái Nguyễn Thị Mỹ H2 đứng tên chung, cùng sử dụng chung. Hai người con này có nhiệm vụ chăm lo cho bà lúc già yếu và nhang khói cho ông bà tổ tiên,

Đối với 02 mái che tôn khung sắt, trụ sắt do anh trai Nguyễn Tuấn N bỏ tiền ra làm có diện tích 41,4m² và 09m² thì yêu cầu ông N tháo dỡ mang về. Nếu ông N không tháo dỡ thì xin hoàn tiền theo biên bản định giá.

Bà đồng ý với nội dung biên bản định giá và diện tích đất đo đạc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đoàn T, sinh năm 1961; Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1964; Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1972; Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1977;

Bà Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1979 thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Tuấn Q và bà Trần Thị C: không bổ sung gì thêm. Đối với kỷ phần các bà được nhận đồng ý tặng cho ông Q và bà H cùng đứng tên sở hữu chung. Các bà đồng ý nội dung biên bản định giá và diện tích đất đo đạc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trình bày:

Bà thống nhất phần trình bày của ông Q, bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản cha bà chết để lại, bà xin nhận hiện vật; Bà đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mẹ và các chị, em tặng cho bà; Bà đồng ý bà và ông Q cùng đứng tên sử dụng chung. Bà đồng ý hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế căn nhà bằng tiền cho ông Nguyễn Tuấn N, đồng ý hoàn lại giá trị 02 mái che khung sắt cho ông Nguyễn Tuấn N.

Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 457, 613, 614, 623, 651 của Bộ luật dân sự, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q về việc rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 59,9 m² đất (thửa đất số 304) và 69,5m² đất (thửa đất số 306), tờ bản đồ địa chính số 24 phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q về việc chia thừa kế tài sản theo pháp luật. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tặng cho tài sản.

2.1. Ông Nguyễn Tuấn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 được quyền sử dụng chung diện tích 248,8m² đất thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ địa chính số 24 phường P. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 cao 01 tầng, tường xây gạch, mái ngói, nền gạch hoa, cửa gỗ có diện tích 66,42m²; 01 mái che tôn khung sắt, trụ sắt có diện tích: 4,5m x 9,2m = 41,4 m² và 01 mái che tôn khung sắt, trụ sắt có diện tích 3m x 3m = 9m².

2.2. Ông Nguyễn Tuấn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tuấn N số tiền 8.966.700 đồng (giá trị 01 kỷ phần đối với căn nhà) và 29.876.932 đồng (giá trị 02 mái che tôn khung sắt) tổng cộng là **38.843.092** đồng, chia mỗi người phải hoàn trả **19.421.546** đồng.

2.3. Ông Nguyễn Tuấn N được quyền sử dụng diện tích 13,1m² đất thuộc thửa đất số 315 và 69,5m² đất thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ địa chính số 24 phường P;

2.4. Bà Nguyễn Thị Như L được quyền sử dụng diện tích 59,9 m² đất thuộc thửa đất số 304, tờ bản đồ địa chính số 24 phường P;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2022 ông Nguyễn Tuấn N làm đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Yêu cầu sửa một phần bản án cụ thể: yêu cầu xác định lại giá trị căn nhà từ đường do Tòa án sơ thẩm định giá là quá thấp. Không phù hợp với giá trị thực tế của căn nhà; yêu cầu Tòa án xem xét giao thêm cho ông 1m chiều ngang thửa đất giáp với phần 1,7m mà Tòa sơ thẩm đã giao cho ông để tiện sinh hoạt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q phát biểu: ông đồng ý cho thêm chiều rộng 0,5 m theo trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận cung cấp.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn N phát biểu: đồng ý nhận thêm 0.5m đất theo trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận cung cấp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như H2 phát biểu: đồng ý với ý kiến tranh luận của ông Q không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán, thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự tự nguyện thỏa thuận được đối với nội dung kháng cáo. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo nộp ngày 11/10/2022 của bị đơn ông Nguyễn Tuấn N làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (BL 104 -105), bà Nguyễn Thị Mỹ H3 (BL 92 - 93) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án *“Chia thừa kế theo pháp luật và tặng cho tài sản”* là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: *Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:*

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn N rút kháng cáo có nội dung: *ông yêu cầu xác định lại giá trị căn nhà từ đường diện tích 66,42m² do giá trị Tòa án sơ thẩm định giá tại Biên bản định giá tài sản là quá thấp. Không phù hợp với giá trị thực tế của căn nhà.*

Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q và người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị Mỹ H2 đồng ý giao cho ông Nguyễn Tuấn N quản lý, sử dụng diện tích 0.5m chiều ngang, chiều dài 7,58m được giới hạn bởi các điểm (24, 23, 22, 7, 8) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận và ông N không phải hoàn giá trị bằng tiền cho ông Q bà H2.

Ông N đồng ý nhận phần diện tích 0.5m chiều ngang và chiều dài 7,58m được giới hạn bởi các điểm (24, 23, 22, 7, 8) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Ông N và ông Q tự nguyện tháo dỡ căn nhà bếp tạm làm bằng tôn pro xi măng, cột kèo gỗ trên phần diện tích của thửa 315.

Ông N phải di dời tài sản của ông N ra khỏi diện tích đất đã giao cho ông Q và bà H2.

Xét thấy: Việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện, đúng pháp luật của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

** Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Tuấn Q phải chịu 5.711.500 đồng (*Năm triệu bảy trăm mười một ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai thu số 0003715 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Q còn phải nộp 5.086.500 đồng (*Năm triệu không trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải chịu 5.711.500 đồng (*Năm triệu bảy trăm mười một ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tuấn N sinh năm 1958 và có đơn xin miễn án phí, căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Nguyễn Tuấn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Như L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định giá tài sản và trích lục bản đồ địa chính tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn Q đồng ý chịu và đã nộp đủ.

Về chi phí xem xét, thẩm định giá tài sản và trích lục bản đồ địa chính tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn N đồng ý chịu và đã nộp đủ.

* *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Nguyễn Tuấn N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tuấn N 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004573 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện, đúng pháp luật giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q và bị đơn ông Nguyễn Tuấn N.

Sửa bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 457, 613, 614, 623, 651 của Bộ luật dân sự, Điều

188 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q về việc rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 59,9 m² đất (thửa đất số 304) và 69,5m² đất (thửa đất số 306), tờ bản đồ địa chính số 24 phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Q về việc chia thừa kế theo pháp luật. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tặng cho tài sản.

2.1. Ông Nguyễn Tuấn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 được quyền quản lý, sử dụng chung thửa đất số 305, diện tích **245,1m²** tờ bản đồ địa chính số 24, phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được giới hạn bởi các điểm (6, 7, 22, 23, 24, 25, 29, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông Nguyễn Tuấn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 được quyền sở hữu: 01 căn nhà cấp 4 cao 01 tầng, tường xây gạch, mái ngói, nền gạch hoa, cửa gỗ có diện tích 66,42m²; 01 mái che tôn khung sắt, trụ sắt có diện tích: 4,5m x 9,2m = 41,4 m² và 01 mái che tôn khung sắt, trụ sắt có diện tích 3m x 3m = 9m² trên thửa đất số 305.

2.2. Ông Nguyễn Tuấn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tuấn N số tiền **8.966.700** đồng (*Tám triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm đồng* = giá trị 01 kỷ phần đối với căn nhà) và **29.876.932** đồng (*Hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi hai đồng* = giá trị 02 mái che tôn khung sắt) tổng cộng là **38.843.092** đồng, chia mỗi người phải hoàn trả **19.421.546** đồng (*Mười chín triệu bốn trăm hai mươi một ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng*).

2.3. Ông Nguyễn Tuấn N được quyền quản lý, sử dụng diện tích **16,8 m²** đất được giới hạn bởi các điểm (7, 8, 9, 27, 25, 24, 23, 22) thuộc thửa đất số 315 trong đó có **3,1 m²** thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông được giới hạn bởi các điểm (7, 8, 9, 27, 26, 22) và **69,5m²** đất thuộc thửa đất số 306 được giới hạn bởi các điểm (9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 29, 25, 27) trong đó có **47,7 m²** thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông được giới hạn bởi các điểm (9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 29, 28, 27) tờ bản đồ địa chính số 24 phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận;

2.4. Bà Nguyễn Thị Như L được quyền quản lý, sử dụng diện tích **59,9 m²** đất được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 21, 20, 19) thuộc thửa đất số 304,

tờ bản đồ địa chính số 24 phường Phú Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm trong đó có 3,2 m² thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 21) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Ông N và ông Q tự nguyện tháo dỡ căn nhà bếp tạm làm bằng tôn pro xi măng, cột kèo gỗ trên phần diện tích của thửa 315.

Ông N phải di dời tài sản của ông N ra khỏi diện tích đất đã giao cho ông Q và bà H2.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Tuấn Q phải chịu 5.711.500 đồng (Năm triệu bảy trăm mười một ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003715 ngày 01/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Q còn phải nộp 5.086.500 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải chịu 5.711.500 đồng (Năm triệu bảy trăm mười một ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tuấn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Như L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

** Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Tuấn N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tuấn N 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004573 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền này, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận)

Nơi nhận:

- Dương sự (10);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Chi cục THADS thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang